VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2024 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

(Tiếp theo Công báo số 717 + 718)

Phụ lục II

DANH MỤC MẪU BIỂU HỒ SƠ KHAI THUẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số: **03-4//TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐÃ NỘP Ở NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên và địa chỉ của Người nộp thuế khấu trừ thuế ở nước ngoài	Thu nhập nhận được ở nước ngoài	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài cho phần thu nhập nhận được	Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN	Xác định thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ		
					Thuế suất thuế TNDN (%)	Số thuế phải nộp theo Luật thuế TNDN	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5) = (3)+(4)*	*(6)*	*(7) = (5)x(6)*	*(8)*
	Tổng cộng						**[04]**

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

- Tài liệu đính kèm gồm:

+ Bản chụp Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế;

+ Bản chụp chứng từ nộp thuế ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế hoặc bản gốc xác nhận của cơ quan thuế nước ngoài về số thuế đã nộp hoặc bản chụp chứng từ có giá trị tương đương có xác nhận của người nộp thuế.

Ghi chú: *- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;*
- Số liệu chỉ tiêu [04] được tổng hợp vào chỉ tiêu C16 của Tờ khai 03/TNDN.

Mẫu số: **03-5/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

THU NHẬP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao		
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	**[04]**	
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	**[05]**	
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	**[06]**	
	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	**[07]**	
	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	**[08]**	
	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	**[09]**	
	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	**[10]**	
	- Chi phí khác	**[11]**	
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao trong kỳ (**[12]=[04]-[05]**)	**[12]**	
	- Trong đó: thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được hưởng ưu đãi	**[13]**	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

- Số liệu chỉ tiêu [12] được tổng hợp vào chỉ tiêu B15 trên tờ khai 03/TNDN.

Mẫu số: **03-6/TNDN**
((Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BÁO CÁO TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG QUỸ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

I. Xác định số trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ tính thuế:

[04] Mức trích lập:.....

[05] Số tiền trích lập:..... Đồng Việt Nam

II. Theo dõi việc điều chuyển, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm trích lập	Mức trích lập trong kỳ tính thuế	Số tiền trích lập trong kỳ tính thuế	Số nhận điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số tiền đã sử dụng trong kỳ tính thuế trước	Số tiền đã sử dụng trong kỳ tính thuế này	Số tiền được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)=(4)+(5)-(6)-(7)-(8)*
	...							
	...							
Tổng cộng								

III. Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

STT	Năm trích lập	Mức trích lập trong kỳ tính thuế	Số tiền trích lập trong kỳ tính thuế	Số nhận điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số tiền đã sử dụng	Số tiền đã nộp về Quỹ phát triển KHCN	Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích		Thuế suất thuế TNDN	Thuế TNDN phải nộp	Tiền lãi phải nộp		Tổng số tiền phải nộp
								Số tiền Quỹ còn lại do sử dụng không hết 70% số quỹ đã trích lập	Số tiền Quỹ sử dụng không đúng mục đích			Do sử dụng không hết 70% số quỹ đã trích lập	Do sử dụng không đúng mục đích	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)=(9+10) x (11)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1	...													
2	...													
...	.....													
Tổng cộng														**[06]**

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

2. Số liệu chỉ tiêu [05] tổng hợp vào chỉ tiêu C5, D4 của tờ khai 03/TNDN;

3. Số liệu chỉ tiêu [06] tổng hợp vào chỉ tiêu E6 của tờ khai 03/TNDN.

Mẫu số: **03-8/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[04] Tổng số thuế TNDN phải nộp được phân bổ:..... đồng

[05] Tổng chi phí được phân bổ:..... đồng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Xác định tỷ lệ phân bổ		Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế TNDN còn phải nộp
			Huyện	Tỉnh		Chi phí của cơ sở sản xuất	Tỷ lệ phân bổ (%)					
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)= (7)/* ***[05]***	*(9)= (8)x* ***[04]***	*(10)*	*(11)*	*(12)= (9)-(11)*	*(13)= (9)-(10)-(11)*
1.	Tỉnh nơi đóng trụ sở chính											
2.	Cơ sở sản xuất khác tỉnh (trừ nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh)											
	Nhà máy...											
	Nhà máy...											
3.	Cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh											
	Nhà máy...											
	Nhà máy...											
	Tổng cộng								**[06]**	**[07]**		

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

2. Cột (4) và (5): Khai tên huyện, tỉnh nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện.

3. Cột (10): NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này

4. Cột (11): NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.

5. Chỉ tiêu [06] được tổng hợp vào chỉ tiêu G1 của tờ khai 03/TNDN.

6. Chỉ tiêu [07] được tổng hợp vào chỉ tiêu G2 của tờ khai 03/TNDN.

7. NNT có cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh kê khai số thuế TNDN phân bổ cho nhà máy tại Phụ lục này, đồng thời kê khai số thuế TNDN phân bổ cho từng tỉnh tại Phụ lục 03-8B/TNDN.

Mẫu số: **03-8A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động kinh doanh bất động sản		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Hoạt động chuyển nhượng BĐS đã quyết toán trong kỳ						Hoạt động chuyển nhượng BĐS của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ chưa quyết toán trong kỳ			
			Huyện	Tỉnh		Doanh thu tính thuế theo từng tỉnh	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế đã nộp các kỳ trước cho từng tỉnh	Số thuế TNDN đã nộp kỳ này cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh	Số tiền thu theo tiến độ theo từng tỉnh	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN đã nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)=(8)-(10)*	*(12)=(8)-(9)-(10)*	*(13)*	*(14)=(13)x1%*	*(15)*	*(16)=(14)-(15)*
1	Nơi đóng trụ sở chính														
2	<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>														
3	<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>														

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động kinh doanh bất động sản		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Hoạt động chuyển nhượng BĐS đã quyết toán trong kỳ						Hoạt động chuyển nhượng BĐS của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ chưa quyết toán trong kỳ			
			Huyện	Tỉnh		Doanh thu tính thuế theo từng tỉnh	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế đã nộp các kỳ trước cho từng tỉnh	Số thuế TNDN đã nộp kỳ này cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh	Số tiền thu theo tiến độ theo từng tỉnh	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN đã nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)=(8)-(10)*	*(12)=(8)-(9)-(10)*	*(13)*	*(14)=(13)x1%*	*(15)*	*(16)=(14)-(15)*
4	Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh														
...	...														
	Tổng cộng							**[04]**	**[05]**						

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;

2. Cột (10), (15): NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán;

3. Số liệu chỉ tiêu [04] được tổng hợp vào chỉ tiêu G3 của tờ khai 03/TNDN;

4. Số liệu chỉ tiêu [05] được tổng hợp vào chỉ tiêu G4 của tờ khai 03/TNDN;

5. NNT không kê khai vào phụ lục này đối với phần thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

6. Cột (4) và (5): Kê khai địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động chuyển nhượng BĐS khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có hoạt động chuyển nhượng BĐS trên nhiều huyện thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Chi cục Thuế khu vực thì chọn 1 huyện trong các huyện đó có hoạt động chuyển nhượng BĐS để kê khai vào chỉ tiêu này.

Mẫu số: **03-8B/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) PHẢI NỘP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số thuế TNDN phải nộp của nhà máy	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp cho từng tỉnh đến thời điểm khai quyết toán	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh
			Huyện	Tỉnh							
[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]= [10] x [11]	[13]	[14]	[15]= [12] - [13] - [14]
1	Nhà máy <Tên nhà máy>					[10a]					
1.1	Nơi có văn phòng điều hành nhà máy										
1.2	Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)										
...											

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số thuế TNDN phải nộp của nhà máy	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp cho từng tỉnh đến thời điểm khai quyết toán	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh
			Huyện	Tỉnh							
[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]= [10] x [11]	[13]	[14]	[15]= [12] - [13] - [14]
2	Nhà máy <Tên nhà máy>					[10b]					
2.1	Nơi có văn phòng điều hành nhà máy										
2.2	Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)										
...	...										

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

2. Cột chỉ tiêu [07], [08]: Khai tên huyện, tỉnh nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện và nơi có nhà máy thủy điện. Trường hợp một nhà máy đóng trên nhiều huyện do cùng một cơ quan thuế quản lý thì chọn 1 huyện trong các huyện nơi có nhà máy để kê khai vào chỉ tiêu này.

Mẫu số: **03-8C/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tổng số thuế TNDN phải nộp được phân bổ:..... đồng

[05] Tổng doanh thu bán vé thực tế:..... đồng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Xác định tỷ lệ phân bổ		Số thuế TNDN phải nộp cả năm theo quyết toán cho từng tỉnh	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh
			Huyện	Tỉnh		Doanh thu bán vé thực tế trên địa bàn	Tỷ lệ phân bổ (%)					
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]=[12]/[05]	[14]=[13]x[04]	[15]	[16]	[17]=[14]-[15]	[18]=[14]-[15]-[16]
1	<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>											
2	<Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>											
3	<Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>											
...	...											
	Cộng theo từng tỉnh... [19]											
	Cộng các tỉnh [20]											
	Số thuế phải nộp còn lại phân bổ cho Tỉnh... nơi đóng trụ sở chính (= [04]-Cộng các tỉnh) [21]											

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)*

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

2. Cột [07].

- *Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:* Kê khai cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở vào chỉ tiêu này. Trường hợp trong một tỉnh có nhiều đơn vị phụ thuộc ở nhiều huyện thì chọn 01 đơn vị phụ thuộc tại 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

- *Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:* Kê khai cho tỉnh nơi có địa điểm kinh doanh nếu phát sinh doanh thu bán vé theo từng địa điểm kinh doanh. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh trên nhiều huyện thuộc một tỉnh thì chọn 01 địa điểm kinh doanh tại 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

- *Nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh:* Kê khai cho tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nhưng có phát sinh doanh thu bán vé. Trường hợp trong một tỉnh có phát sinh doanh thu bán vé ở nhiều huyện thì chọn 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

3. Cột **[09]** và **[10]**: Kê khai địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều huyện thuộc một cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Cục Thuế thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc một huyện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều huyện thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Chi cục Thuế khu vực thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc 1 huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này

4. Cột [15]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.

5. Cột [16]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm tính thuế đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.

Mẫu số: **03-9/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP TIỀN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM NỘP CỦA HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN THU TIỀN THEO TIẾN ĐỘ CHƯA BÀN GIAO TRONG NĂM

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên dự án bất động sản	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Địa bàn hoạt động kinh doanh bất động sản		Tên cơ quan thu	Số tiền thu theo tiến độ	Số thuế TNDN đã tạm nộp	Số thuế TNDN đã tạm nộp bù trừ với số thuế phải nộp theo quyết toán kỳ này	Số tiền thuế đã tạm nộp chưa quyết toán chuyển kỳ sau
				Huyện	Tỉnh					
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước							**[04]**	**[05]**	**[06]=[04]-[05]**
2	Thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ này							**[06]**	**[07]**	**[08]=[06]-[07]**
	Dự án...									
	Dự án...									
3	Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán chuyển các kỳ sau								**[09]=[05]+[07]**	**[10]=[06]+[08]**

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:
- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
- Số liệu chỉ tiêu [05] được tổng hợp vào chỉ tiêu G3 của tờ khai 03/TNDN;
- Số liệu chỉ tiêu [07] được tổng hợp vào chỉ tiêu G4 của tờ khai 03/TNDN.
- Thông tin tại cột (4) và (5): Kê khai địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính.

Mẫu số: **04/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
(Áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế: Năm...../Lần phát sinh ngày..... tháng..... năm.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
1	Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp	**[11]**	
1.1	*Hoạt động dịch vụ*	***[12]***	
1.2	*Hoạt động kinh doanh hàng hóa*	***[13]***	
1.3	*Hoạt động khác*	***[14]***	
2	Tỷ lệ tính thuế TNDN	**[15]**	
2.1	*Hoạt động dịch vụ*	***[16]***	
2.2	*Hoạt động kinh doanh hàng hóa*	***[17]***	
2.3	*Hoạt động khác*	***[18]***	
3	Số thuế TNDN phải nộp [19]=[12]x[16]+[13]x[17]+[14]x[18])	**[19]**	
4	Số thuế TNDN được miễn, giảm	**[20]**	
5	Số thuế TNDN phải nộp sau miễn, giảm ([21]=[19]-[20])	**[21]**	
6	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này (nếu có)	**[22]**	
7	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm đến thời điểm quyết toán	**[23]**	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
8	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([24]=[21]-[23])	**[24]**	
9	Số thuế TNDN còn phải nộp sau quyết toán ([25]=[21]-[22]-[23])	**[25]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

2. Chỉ tiêu [22]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này;

3. Chỉ tiêu [23]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp tính đến hết ngày 31/3/2022.

Mẫu số: **05/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(Áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày..... tháng..... năm.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên tổ chức có vốn chuyển nhượng:.....

[05] Quốc tịch:.....

[06] Địa chỉ trụ sở chính:.....

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[07] Tên tổ chức/cá nhân nhận vốn chuyển nhượng:.....

[08] Quốc tịch:.....

[09] Địa chỉ trụ sở chính:.....

[10] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[11] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[12] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[13] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

[14] Tên doanh nghiệp có vốn được chuyển nhượng:.....

[15] Mã số thuế: (nếu có) ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[16] Hợp đồng chuyển nhượng: Số..... ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giá chuyển nhượng	**[17]**	
2	Giá mua của phần vốn chuyển nhượng	**[18]**	
3	Chi phí chuyển nhượng	**[19]**	
4	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn **[20] = [17]-[18] - [19]**	**[20]**	
5	Thuế suất (%)	**[21]**	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp **[22] = [20]x[21]**	**[22]**	
7	Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm theo Hiệp định	**[23]**	
8	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp **[24] = [22]- [23]**	**[24]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **06/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(Áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày..... tháng..... năm.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:.....

[07] Mã số thuế/số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Địa chỉ:..... Phường/xã..... Quận/huyện..... Tỉnh/TP.....

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng: **[09a]** Số nhà, đường phố..... **[09b]** Phường/xã..... **[09c]** Quận/Huyện..... **[09d]** Tỉnh/Tp.....

Theo Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số:..... ngày..... tháng..... năm..... có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày... tháng... năm.....

[10] Tên Đại lý thuế (nếu có):.....

[11] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[12] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	**[13]**	
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	**[14]**	
	Trong đó:		
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	**[15]**	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	**[16]**	
	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	**[17]**	
	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	**[18]**	
	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	**[19]**	
	- Chi phí khác (bao gồm cả giá mua của phần vốn chuyển nhượng)	**[20]**	
3	Thu nhập từ hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản (**[21]=[13]-[14]**)	**[21]**	
4	Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển kỳ này	**[22]**	
5	Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) từ hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản (**[23]=[21]-[22]**)	**[23]**	
6	Thuế suất thuế TNDN (%)	**[24]**	
7	Thuế TNDN phải nộp (**[25]=[23] x [24]**)	**[25]**	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

Mẫu số: **01/XSBHĐC**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm...../Quý..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Điện thoại:..... **[08]** Fax:..... **[09]** Email:.....

[10] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[11] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[12] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh trong kỳ	Số lũy kế
I	**Doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số**			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	**[13]**		
2	Tổng doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế	**[14]**		
3	Tổng số thuế TNCN phát sinh	**[15]**		
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	**[16]**		
II	**Doanh thu từ hoạt động đại lý bảo hiểm**			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	**[17]**		
2	Tổng doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế	**[18]**		

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh trong kỳ	Số lũy kế
3	Tổng số thuế TNCN phát sinh	**[19]**		
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	**[20]**		
III	**Thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác**			
1	Tổng thu nhập trả thuộc diện khấu trừ	**[21]**		
2	Tổng số thuế TNCN phát sinh	**[22]**		
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	**[23]**		
IV	**Doanh thu từ hoạt động bán hàng đa cấp**			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	**[24]**		
2	Tổng doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế	**[25]**		
3	Tổng số thuế TNCN phát sinh	**[26]**		
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	**[27]**		
V	**Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [28]=[16]+[20]+[23]+[27]**	**[28]**		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày.... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Tờ khai này áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác theo quy định tại Thông tư này. Đối với doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá theo quy định tại Thông tư hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Mẫu số: **01-1/BK-XSBHĐC**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CÓ PHÁT SINH DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ XỔ SỐ, ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, BÁN HÀNG ĐA CẤP

(Kèm theo Tờ khai 01/XSBHĐC kê khai vào hồ sơ khai thuế của kỳ tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ tên cá nhân	Mã số thuế cá nhân (MST)	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Doanh thu trong năm	Doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế trong năm	Số thuế đã khấu trừ trong năm
[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]
I	**Đối với hoạt động đại lý xổ số**					
1						
2						
...						
II	**Đối với hoạt động đại lý bảo hiểm**					
1						
2						
...						
III	**Đối với hoạt động trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác**					
1						
2						
...						
IV	**Đối với hoạt động bán hàng đa cấp**					
1						
2						
...						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **02/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng... năm.../Quý... năm... (Từ tháng.../... đến tháng.../...)

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên tổ chức trả thu nhập:.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[18] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[19] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT		Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I		**Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:**		
1		Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	**[20]**	
2		Trong đó: Thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định	**[21]**	
3		Tổng các khoản giảm trừ ([22]=[23]+[24]+[25]+[26]+[27])	**[22]**	
	a	Cho bản thân	**[23]**	
	b	Cho người phụ thuộc	**[24]**	

STT	Chỉ tiêu		Mã chỉ tiêu	Số tiền
	c	Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học	**[25]**	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ	**[26]**	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	**[27]**	
4	Tổng thu nhập tính thuế ([28] = [20]-[21]-[22])		**[28]**	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong kỳ		**[29]**	
II	**Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:**			
1	Tổng thu nhập tính thuế		**[30]**	
2	Mức thuế suất		**[31]**	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp ([32]=[30]x[31])		**[32]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày.... tháng.... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo Tờ khai này bao gồm:

- Cá nhân cư trú/không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam trả nhưng chưa thực hiện khấu trừ thuế;

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài;

- Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận tại nước ngoài;

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do nhận cổ phiếu thưởng khi chuyển nhượng.

2. Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.

Mẫu số: **02/QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (từ tháng.../... đến tháng.../....)

[02] Lần đầu: **[03]** Bổ sung lần thứ:...

Tờ khai quyết toán thuế kèm theo hồ sơ giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

[15] Tên tổ chức trả thu nhập:.....

[16] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

[17] Địa chỉ:.....

[18] Quận/huyện:..... **[19]** Tỉnh/thành phố:.....

STT		Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/ Số người
1		**Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [20]=[21]+[23]**	[20]	VNĐ	
	a	Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam	[21]	VNĐ	
		Trong đó tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam được miễn giảm theo Hiệp định (nếu có)	[22]	VNĐ	
	b	Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam	[23]	VNĐ	
2		**Số người phụ thuộc**	[24]	Người	
3		**Các khoản giảm trừ ([25]=[26]+[27]+[28]+[29]+[30])**	[25]	VNĐ	
	a	Cho bản thân cá nhân	[26]	VNĐ	

STT	Chỉ tiêu			Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/ Số người
	b	Cho những người phụ thuộc được giảm trừ		[27]	VNĐ	
	c	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		[28]	VNĐ	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ		[29]	VNĐ	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ		[30]	VNĐ	
4	**Tổng thu nhập tính thuế ([31]=[20]-[22]-[25])**			[31]	VNĐ	
5	**Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phát sinh trong kỳ**			[32]	VNĐ	
6	**Tổng số thuế đã nộp trong kỳ ([33]=[34]+[35]+[36]-[37]-[38]) Trong đó:**			[33]	VNĐ	
	a	Số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trả thu nhập		[34]	VNĐ	
	b	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập		[35]	VNĐ	
	c	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ (nếu có)		[36]	VNĐ	
	d	Số thuế đã khấu trừ, đã nộp ở nước ngoài trùng do quyết toán vắt năm		[37]	VNĐ	
	đ	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập trùng do quyết toán vắt năm		[38]	VNĐ	
7	**Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ [39]=[40]+[41]**			[39]	VNĐ	
	a	Số thuế phải nộp trùng do quyết toán vắt năm		[40]	VNĐ	
	b	Tổng số thuế TNCN được giảm khác		[41]	VNĐ	
8	**Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ [42]=([32]-[33]-[39])>0**			[42]	VNĐ	
9	**Số thuế được miễn do cá nhân có số tiền thuế phải nộp sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống (0<[42]<=50.000 đồng)**			[43]	VNĐ	
10	**Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ [44]=([32]-[33]-[39])<0**			[44]	VNĐ	
11	a	**Tổng số thuế đề nghị hoàn trả [45]=[46]+[47]**		[45]	VNĐ	
		Trong đó:	Số thuế hoàn trả cho người nộp thuế	[46]	VNĐ	
			Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác	[47]	VNĐ	
	b	**Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau [48]=[44]-[45]**		[48]	VNĐ	

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả vào tài khoản của người nộp thuế tại chỉ tiêu [46] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Số tiền hoàn trả: Bằng số:..... đồng.

Hình thức hoàn trả:

□ Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....

Tài khoản số:..... Tại Ngân hàng/KBNN:.....

□ Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:

CMND/CCCD/HC số:..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác tại chỉ tiêu [47] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Khoản nợ, khoản thu phát sinh đề nghị được bù trừ:

Đơn vị tiền.....

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	MST của NNT khác (nếu có)	Tên NNT khác (nếu có)	Mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiểu mục	Tên CQT quản lý khoản thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (11)-(12)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **02-1/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân Mẫu số 02/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (Từ tháng.../... đến tháng.../....)

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Họ và tên vợ (chồng) nếu có:.....

[07] Mã số thuế vợ (chồng): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Số CMND/CCCD/Số hộ chiếu vợ (chồng):.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ (Số CMND/ CCCD/Hộ chiếu/GKS)	Số giấy tờ	Ngày sinh	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian được tính giảm trừ trong năm tính thuế	
							Từ tháng	Đến tháng
[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1								
2								
3								
...								

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân, GKS: Giấy khai sinh)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng.... năm....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Mẫu số: **03/BĐS-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh: Ngày... tháng... năm...

[02] Lần đầu: **[03]** Bổ sung lần thứ:...

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam):.....

[06.1] Ngày cấp:..... **[06.2]** Nơi cấp:.....

[07] Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam):.....

[07.1] Ngày cấp:..... **[07.2]** Nơi cấp:.....

[08] Địa chỉ chỗ ở hiện tại:.....

[**09]** Quận/huyện:..... **[10]** Tỉnh/Thành phố:.....

[11] Điện thoại:..... **[12]** Email:.....

[13] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):.....

[14] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Địa chỉ:.....

[16] Quận/huyện:..... **[17]** Tỉnh/Thành phố:.....

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[21] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[22] Địa chỉ:.....

[23] Quận/huyện:..... **[24]** Tỉnh/Thành phố:.....

[25] Điện thoại:..... **[26]** Email:.....

[27] Hợp đồng đại lý thuế: **[28]** Số:..... **[29]** Ngày:.....

[30] Giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất:

.....

[30.1] Số:..... **[30.2]** Do cơ quan:..... **[30.3]** Cấp ngày:.....

[31] Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp 1, cấp 2 hoặc Sàn giao dịch của chủ dự án:.....

[31.1] Số..... **[31.2]** Ngày:.....

[32] Hợp đồng chuyển nhượng trao đổi bất động sản:

[32.1] Số:..... **[32.2]** Nơi lập..... **[32.3]** Ngày lập:.....

[32.4] Cơ quan chứng thực..... **[32.5]** Ngày chứng thực:.....

II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[33] Họ và tên đại diện:.....

[34] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[35] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[35.1] Ngày cấp:..... **[35.2]** Nơi cấp:.....

[36] Văn bản Phân chia di sản thừa kế, quà tặng là Bất động sản

[36.1] Nơi lập hồ sơ nhận thừa kế, quà tặng:.....

[36.2] Ngày lập: .....

[36.3] Cơ quan chứng thực:.....

[36.4] Ngày chứng thực:.....

III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[37] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ☐

[38] Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở ☐

[39] Quyền thuê đất, thuê mặt nước ☐

[40] Bất động sản khác ☐

IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[41] Thông tin về đất:

[41.1] Thửa đất số (Số hiệu thửa đất).....; Tờ bản đồ số (số hiệu):.....

[41.2] Địa chỉ:.....

[41.3] Số nhà..... Tòa nhà..... Ngõ/hẻm..... đường/phố..... Thôn/xóm/ấp:.....

[41.4] Phường/xã:.....

[41.5] Quận/huyện:.....

[41.6] Tỉnh/thành phố:.....

[41.7] Loại đất, vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...)

+ Loại đất 1:..... Vị trí 1:..... Diện tích:..... m^2

+ Loại đất 1:..... Vị trí 2:..... Diện tích:..... m^2

...

+ Loại đất 2:..... Vị trí 1:..... Diện tích:..... m^2

+ Loại đất 2:..... Vị trí 2:..... Diện tích:..... m^2

...

[41.8] Hệ số (nếu có):.....

[41.9] Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho...):.....

[41.10] Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):..... đồng

[42] Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng

[42.1] Nhà ở riêng lẻ:

[42.2] Loại 1:..... Cấp nhà ở..... Diện tích sàn xây dựng:..... m^2

[42.3] Loại 2:..... Cấp nhà ở..... Diện tích sàn xây dựng:..... m^2

[**42.4]** Giá trị nhà thực tế chuyển giao (nếu có):..... đồng

[42.5] Nhà ở chung cư:

[42.6] Chủ dự án:..... [42.7] Địa chỉ dự án, công trình:.....

[42.8] Diện tích xây dựng:..... [42.9] Diện tích sàn xây dựng:..... m^2

[42.10] Diện tích sở hữu chung:..... m^2 [42.11] Diện tích sở hữu riêng:..... m^2

[42.12] Kết cấu:..... [42.13] Số tầng nổi:..... [42.14] Số tầng hầm:.....

[42.15] Năm hoàn công:.....

[42.16] Giá trị nhà thực tế chuyển giao (nếu có):..... đồng

[42.17] Nguồn gốc nhà

Tự xây dựng ☐ 42.18] Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):.....

Chuyển nhượng ☐ [42.19] Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:.....

[42.20] Công trình xây dựng (trừ nhà ở)

[42.21] Chủ dự án:..... [42.22] Địa chỉ dự án, công trình.....

[42.23] Loại công trình:..... Hạng mục công trình..... Cấp công trình.....

[42.24] Diện tích xây dựng:..... [42.25] Diện tích sàn xây dựng:..... m^2;

[42.26] Hệ số (nếu có):.....

[42.27] Đơn giá:.....

[42.28] Giá trị công trình thực tế chuyển giao (nếu có):..... đồng

[43] Tài sản gắn liền với đất

[43.1] Loại tài sản gắn liền với đất:.....

[43.2] Giá trị tài sản gắn liền với đất thực tế chuyển giao (nếu có):..... đồng

V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

[44] Loại thu nhập

[44.1] Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản ☐

[44.2] Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng ☐

[45] Giá trị chuyển nhượng bất động sản và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giá trị bất động sản nhận thừa kế, quà tặng:..... đồng

[46] Thuế thu nhập cá nhân phát sinh đối với chuyển nhượng bất động sản ([46]=[45]x2%):..... đồng

[47] Thu nhập miễn thuế:..... đồng

[48] Thuế thu nhập cá nhân được miễn ([48] = [47] x 2%)..... đồng

[49] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản:{[49]=([46]-[48])}:..... đồng

[50] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

{[50]=([45]-[47]-10.000.000) x 10%}:..... đồng

[51] Số thuế phải nộp, được miễn của chủ sở hữu (chỉ khai trong trường hợp có đồng sở hữu hoặc chủ sở hữu, đồng sở hữu được miễn thuế theo quy định):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số thuế phải nộp	Số thuế được miễn	Lý do cá nhân được miễn với nhà ở, quyền sử dụng đất ở duy nhất	Lý do miễn khác
[51.1]	[51.2]	[51.3]	[51.4]	[51.5]	[51.6]	[51.7]	[51.8]
1						☐	
2						☐	
....						☐	

VII. HỒ SƠ KÈM THEO GỒM:

- .....;
- .....;

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Hướng dẫn khai Chỉ tiêu [51]:

(1) Trường hợp người nộp thuế (NNT) không có Đồng sở hữu nếu được miễn toàn bộ số thuế theo quy định về thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với bất động sản chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng thì chỉ tích chọn vào dòng đầu tiên của cột [51.7] hoặc nêu lý do miễn tại cột [51.8] mà không phải kê khai các thông tin khác;

(2) Trường hợp có Đồng sở hữu (kể cả được miễn thuế hoặc không được miễn) đại diện NNT khai đầy đủ các thông tin trên Chỉ tiêu [51];

(3) Trường hợp NNT không có Đồng sở hữu nhưng có số thuế TNCN được miễn 1 phần, khai các chỉ tiêu tương ứng:

- Đối với số thuế được miễn: NNT khai các chỉ tiêu [51.2], [51.3], [51.4], [51.6] và [51.7] hoặc [51.8]

- Đối với số thuế phải nộp: NNT khai các chỉ tiêu [51.2], [51.3], [51.4] và chỉ tiêu [51.5].

(4) Khai chỉ tiêu [51.4]:

- Trường hợp có Đồng sở hữu: đại diện NNT khai tỷ lệ sở hữu của Chủ sở hữu và các Đồng sở hữu;

- Trường hợp NNT không có Đồng sở hữu mà có phát sinh số thuế được miễn một phần thì NNT tự xác định tỷ lệ sở hữu để làm căn cứ tính số thuế phải nộp, số thuế được miễn thuế TNCN đối với chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng là bất động sản.

***2. Hướng dẫn khai Mục:* "NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ":** *chỉ khai thay trong trường hợp không phát sinh số thuế được miễn và trước khi ký phải ghi rõ "Khai thay". Khai thay trong trường hợp tại nội dung Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có nêu người mua phải có trách nhiệm khai thuế TNCN hoặc trường hợp người nộp thuế có ủy quyền cho cá nhân khác theo quy định của Pháp luật.*

Mẫu số: **04/CNV-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày... tháng... năm...
[01b] Tháng.... năm..../Quý..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

☐ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp

☐ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[21] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[22] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày:.....

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Hợp đồng chuyển nhượng	
				Số	Ngày/tháng/năm
[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]

III. THÔNG TIN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN HOẶC TỔ CHỨC NƠI CÁ NHÂN CÓ VỐN GÓP

[29] Tên tổ chức phát hành:.....

[30] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[31] Địa chỉ:.....

[32] Quận/huyện:..... **[33]** Tỉnh/Thành phố:.....

[34]-Điện thoại:..... **[35]** Fax:..... **[36]**-Email:.....

IV. CHI TIẾT TÍNH THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	**Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp**		
1	Giá chuyển nhượng	**[37]**	
2	Giá vốn của phần vốn góp chuyển nhượng	**[38]**	
3	Chi phí chuyển nhượng	**[39]**	
4	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn góp [40]=[37]-[38]-[39]	**[40]**	
5	Số thuế phải nộp	**[41]**	
6	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	**[42]**	
7	Số thuế còn phải nộp [43]=[41]-[42]	**[43]**	
II	**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**		
1	Giá chuyển nhượng	**[44]**	
2	Số thuế phải nộp	**[45]**	
3	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	**[46]**	
4	Số thuế còn phải nộp [47]=[45]-[46]	**[47]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày.... tháng... năm...
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THAY
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Ghi chú:

- (*) Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.

- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế là cá nhân có chứng khoán chuyển nhượng chưa được tổ chức khấu trừ theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 và điểm 2 Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015.

Mẫu số: **04-1/CNV-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

(Kèm theo tờ khai 04/CNV-TNCN Áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày.... tháng... năm..... [01b] Tháng.... năm..../Quý..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tổ chức, cá nhân khai thay:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

I. CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Giá chuyển nhượng	Giá vốn của phần vốn góp	Chi phí chuyển nhượng	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn góp	Số thuế TNCN phải nộp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế còn phải nộp
	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/ tháng/ năm							
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]=[15]-[16]-[17]	[19]	[20]	[21]=[19]-[20]
1															
2															
...															
Tổng cộng									[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]

II. CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Số lượng chứng khoán	Giá chuyển nhượng	Số thuế TNCN phải nộp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế còn phải nộp
	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu/ CCCD cá nhân (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/ tháng/năm					
[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]= [40]-[41]
1													
2													
...													
TỔNG CỘNG										[43]	[44]	[45]	[46]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

...., ngày... tháng... năm...
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THAY
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **04/ĐTV-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh: ngày.... tháng... năm....
[01b] Tháng.... năm..../Quý..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

☐ Tổ chức khai thuế thay cho nhiều cá nhân

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[21] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[22] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tổ chức phát hành	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp
[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]
I.	Chứng khoán trả thay cổ tức				[31]	[32]	[33]

STT	Tổ chức phát hành	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp
[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]
1							
2							
...							
II.	**Chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu**				**[34]**	**[35]**	**[36]**
1							
2							
...							
III	**Lợi tức ghi tăng vốn**				**[37]**	**[38]**	**[39]**
1							
2							
...							
Tổng cộng					**[40]**	**[41]**	**[42]**

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THAY
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú: (*) *Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.*

Mẫu số: **04-1/ĐTV-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Tờ khai mẫu số 04/ĐTV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày.... tháng... năm....
[01b] Tháng.... năm..../Quý..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên tổ chức khai thay:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND/ CCCD Hộ chiếu	Tổ chức phát hành	Mã chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức được chia theo mệnh giá)	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp	Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần
[06]	**[07]**	**[08]**	**[09]**	**[10]**	**[11]**	**[12]**	**[13]**	**[14]**	**[15]**	**[16]**	**[17]**
I	*Cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán*						**[18]**	**[19]**	**[20]**	**[21]**	**[22]**
1											
...											
II	*Cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán*						**[23]**	**[24]**	**[25]**	**[26]**	**[27]**
1											
...											

STT	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND/ CCCD Hộ chiếu	Tổ chức phát hành	Mã chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức được chia theo mệnh giá)	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp	Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần
[06]	**[07]**	**[08]**	**[09]**	**[10]**	**[11]**	**[12]**	**[13]**	**[14]**	**[15]**	**[16]**	**[17]**
III	*Cá nhân được ghi nhận phần vốn tăng thêm do lợi tức ghi tăng vốn*							**[28]**	**[29]**	**[30]**	**[31]**
1											
...											

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
TỔ CHỨC KHAI THAY
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **04/NNG-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Áp dụng đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng được trả từ nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày... tháng... năm...

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

[15] Tên tổ chức tại Việt Nam nơi cá nhân phát sinh hoạt động có thu nhập:.....

[16] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[17] Địa chỉ:.....

[18] Quận/huyện:..... **[19]** Tỉnh/Thành phố:.....

[20] Điện thoại:..... **[21]** Fax:..... **[22]** Email:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	**Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú**		
1	Tổng thu nhập tính thuế	**[23]**	
2	Thuế suất	**[24]**	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp [25]=[23]*[24]	**[25]**	
II	**Thu nhập từ đầu tư vốn**		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	**[26]**	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
2	Tổng số thuế phải nộp	**[27]**	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	**[28]**	
4	Số thuế còn phải nộp [29]=[27]-[28]	**[29]**	
III	**Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại**		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	**[30]**	
2	Tổng số thuế phải nộp	**[31]**	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	**[32]**	
4	Số thuế còn phải nộp [33]=[31]-[32]	**[33]**	
IV	**Thu nhập từ trúng thưởng**		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	**[34]**	
2	Tổng số thuế phải nộp	**[35]**	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	**[36]**	
4	Số thuế còn phải nộp [37]=[35]-[36]	**[37]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Mẫu số: **04/TKQT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày.... tháng... năm

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[04] Họ và tên:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

[07] Quốc tịch:.....

[08] Địa chỉ: .....

[09] Quận/huyện:..... **[10]** Tỉnh/thành phố:.....

[11] Điện thoại:..... **[12]** Fax:..... **[13]** Email.....

[14] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[15] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[16] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

II. VĂN BẢN GIAO NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[17] Làm tại:..... ngày..... tháng..... năm.....

đã được Cơ quan công chứng chứng nhận ngày..... tháng..... năm.....

III. THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN CHO THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[18] Họ và tên: .....

[19] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[20] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

[21] Quốc tịch:... .....

[22] Địa chỉ: .....

[23] Điện thoại:..... **[24]** Fax:..... **[25]** Email.....

IV. LOẠI TÀI SẢN ĐƯỢC NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[26] Chứng khoán ☐

[27] Vốn góp ☐

[28] Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng ☐

V(a). [29] GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG HOẶC SỞ HỮU TÀI SẢN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG SỐ:..... Do cơ quan:..... Cấp ngày:.....

V(b). THÔNG TIN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN HOẶC TỔ CHỨC NƠI CÁ NHÂN CÓ VỐN GÓP

[30] Tên tổ chức:.....

[31] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[32] Địa chỉ:.....

[33] Quận/huyện:..... **[34]** Tỉnh/Thành phố:.....

[35] Điện thoại:..... **[36]** Fax:..... **[37]**-Email:.....

VI. THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[38] Số tiền:..... đồng

(*Viết bằng chữ*:.....)

VII. THU NHẬP ĐƯỢC MIỄN GIẢM THEO HIỆP ĐỊNH TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

[39] Số tiền:..... đồng

(*Viết bằng chữ*:.....)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày.... tháng..... năm....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ Họ và tên:..... Chứng chỉ hành nghề số:.....	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Ghi chú:

- (*) *Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.*

- *Cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn góp nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp phát hành chứng khoán, doanh nghiệp có phần vốn góp. Cá nhân đồng thời nhận thừa kế, quà tặng của nhiều loại chứng khoán, phần vốn góp nộp hồ sơ khai thuế tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú.*

Mẫu số: **05/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm.../Quý... năm...

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

[15] Phân bổ thuế do có đơn vị hạch toán phụ thuộc tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính: ☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	**[16]**	Người	
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	**[17]**	Người	
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]**	**[18]**	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	**[19]**	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	**[20]**	Người	
3	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]**	**[21]**	VNĐ	
3.1	Cá nhân cư trú	**[22]**	VNĐ	
3.2	Cá nhân không cư trú	**[23]**	VNĐ	
3.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	**[24]**	VNĐ	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
4	**Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí**	**[25]**	VNĐ	
5	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28]**	**[26]**	VNĐ	
5.1	Cá nhân cư trú	**[27]**	VNĐ	
5.2	Cá nhân không cư trú	**[28]**	VNĐ	
6	**Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [29]=[30]+[31]**	**[29]**	VNĐ	
6.1	Cá nhân cư trú	**[30]**	VNĐ	
6.2	Cá nhân không cư trú	**[31]**	VNĐ	
6.3	Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	**[32]**	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Tờ khai này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân trong tháng/quý, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế.

- Kỳ khai thuế theo tháng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề trên 50 tỷ đồng hoặc trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập lựa chọn khai thuế theo tháng.

- Kỳ khai thuế theo quý áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống, bao gồm cả tổ chức, cá nhân trả thu nhập không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Mẫu số: **05-1/PBT-KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN PHẢI NỘP ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG VÀ TRÚNG THƯỞNG

(Kèm theo tờ khai 05/KK-TNCN hoặc Kèm theo tờ khai 06/TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng... năm.../Quý... năm...

[01a] Lần đầu: ☐ **[01b]** Bổ sung lần thứ:...

[02] Tên người nộp thuế:.....

[06] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | - | | | |

I. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Trụ sở chính/đơn vị hạch toán phụ thuộc	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Thu nhập chịu thuế thuộc diện khấu trừ	Số lượng cá nhân nhận thu nhập	Số lượng cá nhân phát sinh khấu trừ thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ
			Huyện	Tỉnh						
[06]	[07]	[08]	[08a]	[08b]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1	Trụ sở chính									
2	Chi nhánh A									
3	Chi nhánh B									
...										
Tổng cộng						[15]	[16]	[17]	[18]	[19]

II. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Thu nhập tính thuế cho cá nhân	Số thuế TNCN đã khấu trừ
		Huyện	Tỉnh			
[20]	[21]	[21a]	[21b]	[22]	[23]	[24]
1	*<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>*					
2	*<Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>*					
3	*Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh*					
....						
Tổng cộng					[25]	[26]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ Họ và tên:..... Chứng chỉ hành nghề số:.....	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Ghi chú:

1. Chỉ tiêu [08a], [08b]: Kê khai địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính.

2. Cột [21]:

Phân bổ thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân trúng thưởng được thực hiện theo điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ.

- *Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:* Kê khai cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở vào chỉ tiêu này. Trường hợp trong một tỉnh có nhiều đơn vị phụ thuộc ở nhiều huyện thì chọn 01 đơn vị phụ thuộc tại 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào chỉ tiêu huyện tại cột [21].

- *Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:* Kê khai cho tỉnh nơi có địa điểm kinh doanh nếu phát sinh doanh thu bán vé theo từng địa điểm kinh doanh. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh trên nhiều huyện thuộc một tỉnh thì chọn 01 địa điểm kinh doanh tại 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [21].

- *Nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh:* Kê khai cho tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nhưng có phát sinh doanh thu bán vé. Trường hợp trong một tỉnh có phát sinh doanh thu bán vé ở nhiều huyện thì chọn 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [21].

3. Chỉ tiêu [21a], [21b]: Kê khai địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều huyện thuộc một cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Cục Thuế thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc một huyện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều huyện thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Chi cục Thuế khu vực thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc 1 huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

Mẫu số: **05/QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:....

[04] Tổ chức có quyết toán thuế theo ủy quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống ☐

[05] Tên người nộp thuế:.....

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[07] Địa chỉ:.....

[08] Quận/huyện:..... **[09]** Tỉnh/thành phố:.....

[10] Điện thoại:..... **[11]** Fax:..... **[12]** Email:.....

[13] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

I. NGHĨA VỤ KHẤU TRỪ THUẾ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	**[16]**	Người	
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	**[17]**	Người	
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]**	**[18]**	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	**[19]**	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	**[20]**	Người	
3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	**[21]**	Người	
4	**Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh**	**[22]**	Người	
5	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [23]=[24]+[25]**	**[23]**	VNĐ	
5.1	Cá nhân cư trú	**[24]**	VNĐ	
5.2	Cá nhân không cư trú	**[25]**	VNĐ	
5.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	**[26]**	VNĐ	
6	**Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí**	**[27]**	VNĐ	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
7	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [28]=[29]+[30]**	**[28]**	VNĐ	
7.1	Cá nhân cư trú	**[29]**	VNĐ	
7.2	Cá nhân không cư trú	**[30]**	VNĐ	
8	**Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [31]=[32]+[33]**	**[31]**	VNĐ	
8.1	Cá nhân cư trú	**[32]**	VNĐ	
8.2	Cá nhân không cư trú	**[33]**	VNĐ	
8.3	Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	**[34]**	VNĐ	

II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	**[35]**	Người	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	**[36]**	VNĐ	
	Trong đó: Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04])	**[37]**	VNĐ	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	**[38]**	VNĐ	
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn do cá nhân có số thuế còn phải nộp sau ủy quyền quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống	**[39]**	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp [40] = ([38] - [36] - [39]) >0	**[40]**	VNĐ	
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa [41] = ([38] - [36] - [39]) <0	**[41]**	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Kỳ tính thuế tại chỉ tiêu [01] trong mọi trường hợp quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân trả thu nhập là theo năm dương lịch.

- Tổ chức trả thu nhập khi quyết toán thuế TNCN chỉ phải khai thông tin tổng hợp tại Tờ khai này mà không phải khai vào Bảng kê 05-1/BK-TNCN đối với các cá nhân sau đây: Cán bộ, công chức có hệ số lương quy định tại bảng lương ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ/TW ngày 14/12/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng; bảng lương ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; bậc 3 Bảng 1 chuyên gia cao cấp, mức 1 - 2 Bảng lương cấp bậc quân hàm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

Mẫu số: **05-1/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN

THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LŨY TIẾN TỪNG PHẦN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/SĐDCN Hộ chiếu (trường hợp chưa có MST)	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	CN nước ngoài ủy quyền quyết toán dưới 12 tháng	Thu nhập chịu thuế (TNCT)				Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế ([21]=[12]-[14]-[15]-[17])	Số thuế TNCN đã khấu trừ		Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế			Cá nhân có số thuế được miễn do có số thuế còn phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống
						Tổng thu nhập chịu thuế	Trong đó: TNCT tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN)	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo Hiệp định	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí	Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ		Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	Trong đó: số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT	Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	Số thuế còn phải nộp	
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]
1																					☐
2																					☐
...																					☐
Tổng						[28]	[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]	[43]

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: thu nhập cá nhân; NPT: người phụ thuộc; SĐDCN: Số định danh cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Kỳ tính thuế tại chỉ tiêu [01] trong mọi trường hợp quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân trả thu nhập là theo năm dương lịch.

- Tổ chức trả thu nhập khi quyết toán thuế TNCN không phải khai thông tin chi tiết vào Bảng kê này đối với các cá nhân sau đây: Cán bộ, công chức có hệ số lương quy định tại bảng lương ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ/TW ngày 14/12/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng; bảng lương ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bậc 3 Bảng 1 chuyên gia cao cấp, mức 1 - 2 Bảng lương cấp bậc quân hàm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

Mẫu số: **05-2/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN

THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO THUẾ SUẤT TOÀN PHẦN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:....

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu	Cá nhân không cư trú	Thu nhập chịu thuế (TNCT)		Trong đó thu nhập chịu thuế được miễn theo Hiệp định	Trong đó TN chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí	Số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	
					Tổng số	Trong đó: TNCT từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động			Tổng số	Trong đó: Số thuế từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1										
2										
...										
Tổng					[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]

(BH: Bảo hiểm; DN: doanh nghiệp; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **05-3/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:....

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Họ và tên người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	MST của người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh người phụ thuộc	MST của người phụ thuộc	Loại giấy tờ (Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/GKS) người phụ thuộc	Số giấy tờ	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian tính giảm trừ trong năm tính thuế	
									Từ tháng	Đến tháng
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1										
2										
3										
...										

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân, GKS: Giấy khai sinh)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: *Trường hợp người phụ thuộc chưa có mã số thuế thì phải khai thông tin chỉ tiêu [12].*

Mẫu số: **06/TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm..../Quý..... năm....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên tổ chức khai thay (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[21] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[22] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh	Số lũy kế
I	**Thu nhập từ đầu tư vốn**			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	**[23]**		
2	Tổng thu nhập tính thuế	**[24]**		
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	**[25]**		

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh	Số lũy kế
II	**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	**[26]**		
2	Tổng giá trị chuyển nhượng chứng khoán	**[27]**		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[28]**		
III	**Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại**			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	**[29]**		
2	Tổng thu nhập tính thuế	**[30]**		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[31]**		
IV	**Thu nhập từ trúng thưởng**			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	**[32]**		
2	Tổng thu nhập tính thuế	**[33]**		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[34]**		
V	**Doanh thu từ kinh doanh của cá nhân không cư trú**			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	**[35]**		
2	Tổng doanh thu tính thuế trả cho cá nhân	**[36]**		
3	Tổng số thuế đã khấu trừ	**[37]**		
VI	**Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú**			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	**[38]**		
2	Tổng giá chuyển nhượng vốn	**[39]**		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	**[40]**		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc TỔ CHỨC KHAI THAY
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Mẫu số: **06-1/BK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT
CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TRONG NĂM TÍNH THUẾ
(Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN Kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm..../Quý... năm...
[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:....

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

A. CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu (trường hợp chưa có MST)	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Tổng giá trị chuyển nhượng	Số thuế phát sinh	Số thuế được giảm theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế đã khấu trừ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]= [13]-[14]
1									
2									
...									
Tổng cộng					[16]	[17]	[18]	[19]	[20]

B. CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ CÁC KHOẢN THU KHÁC

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp chưa có MST)	Tổng thu nhập tính thuế	Số thuế phát sinh	Số thuế được giảm theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế đã khấu trừ
[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]=[26]-[27]
I	Thu nhập từ đầu tư vốn			[29]	[30]	[31]	[32]
1							
2							
...							

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp chưa có MST)	Tổng thu nhập tính thuế	Số thuế phát sinh	Số thuế được giảm theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế đã khấu trừ
[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]=[26]-[27]
II	**Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại**			**[33]**	**[34]**	**[35]**	**[36]**
1							
2							
...							
III	**Thu nhập từ trúng thưởng**			**[37]**	**[38]**	**[39]**	**[40]**
1							
2							
...							
IV	**Doanh thu từ kinh doanh của cá nhân không cư trú**			**[41]**	**[42]**	**[43]**	**[44]**
1							
2							
...							
V	**Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú**			**[45]**	**[46]**	**[47]**	**[48]**
1							
2							
...							

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày.... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa có mã chứng khoán thì khai thông tin mã số thuế của tổ chức phát hành chứng khoán tại chỉ tiêu [10].

- Công ty xổ số điện toán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ thì không kê khai vào mục III mà kê khai vào Phụ lục bảng phân bổ 05-1/PBT-KK-TNCN.

Mẫu số: **07/ĐK-NPT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC

[01] Kỳ tính thuế: Ngày.... tháng... năm...

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:....

[04] Họ và tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số thuế người phụ thuộc:.....

[07] Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (Tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):.....

.....

[08] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Mã số thuế người phụ thuộc	Thông tin giấy tờ của người phụ thuộc		Ngày sinh người phụ thuộc	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
			Loại giấy tờ: CMND/CCCD/Hộ chiếu/GKS (trường hợp chưa có MST NPT)	Số giấy tờ				
[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1								
2								
...								

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày... tháng... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chữ viết tắt: NPT- người phụ thuộc; CMND- Chứng minh nhân dân, CCCD- Căn cước công dân; GKS- Giấy khai sinh.

2. Chỉ tiêu [16]: là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế thay đổi tổ chức trả thu nhập tính giảm trừ NPT hoặc thay đổi người nộp thuế tính giảm trừ NPT thì chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại tổ chức đó hoặc thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tại người nộp thuế đó. Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ NPT cho thời gian trước năm hiện tại do thực hiện quyết toán lại những năm trước thi chỉ tiêu [16] được khai là thời điểm bắt đầu tính giảm trừ NPT tương ứng năm quyết toán trước năm hiện tại.

3. Chỉ tiêu [17]: là thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT. Trường hợp người nộp thuế chưa xác định được thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT thì bỏ trống. Trường hợp người nộp thuế thay đổi thời điểm kết thúc tính giảm trừ NPT (bao gồm cả trường hợp đã khai hoặc bỏ trống chỉ tiêu [17]) thì người nộp thuế thực hiện khai bổ sung Bản đăng ký người phụ thuộc để cập nhật lại chỉ tiêu [17] theo thời điểm thực tế kết thúc tính giảm trừ NPT.

Mẫu số: **07/XN-NPT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
BẢNG KÊ KHAI VỀ NGƯỜI PHẢI TRỰC TIẾP NUÔI DƯỠNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (UBND) xã/phường.....
Họ và tên người nộp thuế:.....
Mã số thuế:.....
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....
Nơi cấp:.....
Chỗ ở hiện nay:.....
Tôi kê khai người phụ thuộc sau đây tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMND/ CCCD Hộ chiếu	Quan hệ với người khai	Địa chỉ cư trú của người phụ thuộc	Đang sống cùng với tôi	Không nơi nương tựa, tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng
1							
2							
...							

Căn cứ theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế TNCN thì UBND xã/phường nơi người nộp thuế cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc đang sống cùng người nộp thuế hoặc UBND xã/phường nơi người phụ thuộc cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc không sống cùng người nộp thuế và không có ai nuôi dưỡng.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày... tháng.... năm....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG

(nơi người nộp thuế cư trú trong trường hợp người phụ thuộc đang sống cùng người nộp thuế):

UBND xã/phường.....

xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) hiện đang sống cùng ông (bà) ..... tại địa chỉ...../.

..., ngày... tháng... năm...

TM. UBND.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG

(nơi người phụ thuộc cư trú trong trường hợp người phụ thuộc không nơi nương tựa, người nộp thuế đang trực tiếp dưỡng):

UBND xã/phường.....

xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) không nơi nương tựa, đang sống tại địa chỉ...../.

..., ngày... tháng... năm...

TM. UBND.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Trường hợp người nộp thuế có nhiều người phụ thuộc cư trú tại nhiều xã/phường khác nhau thì người nộp thuế phải lập Bản kê khai để UBND xã/phường từng nơi người phụ thuộc cư trú xác nhận.*

Mẫu số: **07/THĐK-NPT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC CHO NGƯỜI GIẢM TRỪ GIA CẢNH
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ người phụ thuộc cho người lao động)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm...

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

STT	Họ và tên cá nhân có thu nhập	Mã số thuế cá nhân có thu nhập	Họ và tên người phụ thuộc	Mã số thuế người phụ thuộc (MST NPT)	Thông tin giấy tờ của người phụ thuộc		Ngày sinh người phụ thuộc	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
					Loại giấy tờ: CMND/CCCD/Hộ chiếu/ GKS (trường hợp chưa có MST NPT)	Số giấy tờ				
[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]
1										
2										
3										
...										

(MST: mã số thuế; NPT: người phụ thuộc; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân; GKS: Giấy khai sinh)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./

..., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **08/UQ-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Năm.....

Tên tôi là:.....
Mã số thuế:.....

Năm..... tôi thuộc diện ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau:

☐ (1) Tôi chỉ có thu nhập chịu thuế tại Công ty/đơn vị..... và thực tế tại thời điểm quyết toán thuế thu nhập cá nhân tôi đang làm việc tại Công ty/đơn vị đó;

☐ (2) Tôi thuộc diện được điều chuyển từ Công ty/đơn vị..... (Công ty/đơn vị cũ) đến Công ty/đơn vị..... (Công ty/đơn vị mới) do sáp nhập/hợp nhất/chia/tách/chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và 2 Công ty/đơn vị này trong cùng một hệ thống;

☐ (3) Tôi có thu nhập chịu thuế tại Công ty/đơn vị..... và có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng/tháng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ tại nguồn và không có nhu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập vãng lai.

Đề nghị Công ty/đơn vị..... ..... (Mã số thuế:.....) thay mặt tôi thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm..... với cơ quan thuế.

Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra phát hiện tôi không thuộc được ủy quyền quyết toán thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: *Trường hợp nhiều người lao động tại cùng tổ chức trả thu nhập có ủy quyền quyết toán cho tổ chức đó thì lập mẫu này kèm theo Danh sách ủy quyền quyết toán thuế TNCN bao gồm các thông tin: Họ và tên, Mã số thuế, trường hợp được ủy quyền (1) (2) (3) nêu trên, Ký tên.*

Mẫu số: **08/CK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
(Áp dụng khi cá nhân nhận thu nhập và ước tính tổng thu nhập trong năm dương lịch chưa đến mức chịu thuế TNCN)

Kính gửi: (*Tên tổ chức, cá nhân trả thu thập*).....

1. Tên tôi là:.....

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Địa chỉ cư trú:.....

Tôi cam kết rằng, năm..... tôi có tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10%, nhưng theo ước tính tổng thu nhập trong năm của tôi không quá.....(*) triệu đồng (ghi bằng chữ.....) chưa đến mức phải nộp thuế TNCN. Vì vậy, tôi đề nghị (*Tên Tổ chức, cá nhân trả thu nhập)*..... căn cứ vào bản cam kết này để không khấu trừ thuế TNCN khi trả thu nhập cho tôi.

Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày... tháng... năm...
CÁ NHÂN CAM KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: *(*) Số tiền khai tại mục này được xác định bằng mức giảm trừ gia cảnh được tính trong năm:*

VD:

- Trường hợp người cam kết không có người phụ thuộc: số tiền khai là 11 triệu đồng x 12 tháng = 132 triệu đồng.

- Trường hợp người cam kết có 01 người phụ thuộc thực tế phải nuôi dưỡng trong năm là 10 tháng:

Số tiền khai = 132 triệu đồng + 4,4 triệu đồng x 10 tháng = 176 triệu đồng

Mẫu số: **01/LPMB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI

[**01**] Kỳ tính lệ phí: Năm.....
[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp lệ phí:.....
[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[06] Đại lý thuế (nếu có):.....
[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[08] Hợp đồng đại lý thuế số:..... ngày.....
[09] Khai cho địa điểm kinh doanh mới thành lập trong năm ☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	**Tên người nộp lệ phí hoặc tên địa điểm kinh doanh**	**Địa chỉ** (Ghi rõ địa chỉ quận/huyện, tỉnh/thành phố)	**Mã số thuế người nộp lệ phí hoặc mã số địa điểm kinh doanh**	**Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư**	**Mức lệ phí môn bài**	**Số tiền lệ phí môn bài phải nộp**	**Số tiền lệ phí môn bài được miễn**	**Trường hợp miễn lệ phí môn bài** (Ghi trường hợp được miễn theo quy định)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(8)	(8)	(9)
1	**Người nộp lệ phí môn bài**							
2	**Địa điểm kinh doanh** (ghi rõ tên)							
	.....							
	Tổng cộng các địa điểm kinh doanh:							
	Tổng cộng							

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Ghi chú:

Chỉ tiêu [01]: Kê khai năm tính lệ phí môn bài.

Chỉ tiêu [02]: Chỉ tích chọn đối với lần đầu kê khai.

Chỉ tiêu [03]: Chỉ tích chọn đối với trường hợp người nộp lệ phí (sau đây gọi chung là NNT và viết tắt là NNT) đã nộp tờ khai nhưng sau đó phát hiện có thay đổi thông tin về nghĩa vụ kê khai và thực hiện kê khai lại thông tin thuộc kỳ tính lệ phí đã kê khai. Lưu ý, NNT chỉ thực hiện chọn một trong hai chỉ tiêu [02] và [03], không chọn đồng thời cả hai chỉ tiêu.

Chỉ tiêu [04] đến chỉ tiêu [05]: Kê khai thông tin theo đăng ký thuế của NNT.

Chỉ tiêu [06] đến chỉ tiêu [08]: Kê khai thông tin đại lý thuế (nếu có).

Chỉ tiêu [09]: Chỉ tích chọn trong trường hợp NNT đã kê khai LPMB, sau đó thành lập mới địa điểm kinh doanh.

Mẫu số: **01/TK-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trừ chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên:.....

[05] Ngày/tháng/năm sinh:.....

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST):.....

[08] Ngày cấp:..... **[09]** Nơi cấp:.....

[10] Địa chỉ cư trú:

[10.1] Số nhà:..... **[10.2]** Đường/phố:.....

[10.3] Tổ/thôn:..... **[10.4]** Phường/xã/thị trấn:.....

[10.5] Quận/huyện:..... **[10.6]** Tỉnh/Thành phố:.....

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:.....

[12] Điện thoại:.....

2. Đại lý thuế (nếu có):

[13] Tên đại lý thuế:.....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

3. Thửa đất chịu thuế:

[16] Thông tin người sử dụng đất:

STT	Họ và tên	MST	CMND/CCCD/HC (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Tỷ lệ

[17] Địa chỉ thửa đất:

[17.1] Số nhà:..... **[17.2]** Đường/ phố:.....

[17.3] Tổ/thôn:..... **[17.4]** Phường/xã/thị trấn:.....

[17.5] Quận/huyện:..... **[17.6]** Tỉnh/Thành phố:.....

[18] Là thửa đất duy nhất: ☐

[19] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Quận/Huyện):.....

[20] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[20.1] Số giấy chứng nhận:..... **[20.2]** Ngày cấp:.....

[20.3] Thửa đất số:..... **[20.4]** Tờ bản đồ số:.....

[20.5] Diện tích:..... **[20.6]** Loại đất/Mục đích sử dụng:.....

[21] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[21.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích:.....

[21.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định:.....

[21.3] Hạn mức (nếu có):.....

[21.4] Diện tích đất lấn, chiếm:.....

[22] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[22.1] Diện tích:..... **[22.2]** Loại đất/Mục đích đang sử dụng:.....

[23] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:.....

[24] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:.....

4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [25] *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[25.1] Loại nhà:..... **[25.2]** Diện tích:..... **[25.3]** Hệ số phân bổ:.....

5. Trường hợp miễn, giảm thuế [26] *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách,...):* .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG *(Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)*

1. Người nộp thuế

[27] Họ và tên: .....

[28] Ngày/tháng/năm sinh:.....

[29] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[30] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: .....

[31] Ngày cấp:..... **[32]** Nơi cấp: .....

2. Thửa đất chịu thuế

[33] Địa chỉ:

[33.1] Số nhà:..... **[33.2]** Đường/phố:.....

[33.3] Tổ/thôn:..... **[33.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[33.5] Quận/huyện:..... **[33.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[34] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[34.1] Số giấy chứng nhận:..... **[34.2]** Ngày cấp: .....

[34.3] Thửa đất số:..... **[34.4]** Tờ bản đồ số: .....

[34.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: .....

[34.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:.....

[34.7] Loại đất/Mục đích sử dụng:.....

[34.8] Hạn mức *(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):* .....

[35] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[35.1] Diện tích:..... **[35.2]** Loại đất/Mục đích đang sử dụng:.....

[36] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: .....

[37] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:.....

3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38] *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách...)*:.....

4. Căn cứ tính thuế

[39] Diện tích đất thực tế sử dụng:..... **[40]** Hạn mức tính thuế:.....

[41] Thông tin xác định giá đất:.....

[41.1] Loại đất/mục đích sử dụng:..... **[41.2]** Tên đường/vùng: .....

[41.3] Đoạn đường/khu vực:..... **[41.4]** Loại đường: .....

[41.5] Vị trí/hạng:..... **[41.6]** Giá đất:..... **[41.7]** Hệ số (đường/hẻm...):.....

[41.8] Giá 1 m^2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*:.....

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở *(Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[42] Diện tích trong hạn mức *(thuế suất: 0,03%)*	**[43]** Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức *(thuế suất: 0,07%)*	**[44]** Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức *(thuế suất 0,15%)*
...	...	...

5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[45] Diện tích:..... **[46]** Hệ số phân bổ: .....

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh - Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[47] Diện tích:.....**[48]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):*.....

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[49] Diện tích:..... **[50]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[51] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):*.....

5.5. Đất lấn chiếm:

[52] Diện tích:..... **[53]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[54] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):*.....

..., ngày..... tháng..... năm.....	*..., ngày..... tháng..... năm.....*
CÁN BỘ ĐỊA CHÍNH XÃ/PHƯỜNG	**CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **02/TK-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Áp dụng đối với tổ chức)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....
[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:
[04] Tên người nộp thuế: .....
[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[06] Địa chỉ trụ sở:
[06.1] Số nhà:..... **[06.2]** Đường/phố:.....
[06.3] Tổ/thôn:..... **[06.4]** Phường/xã/thị trấn: .....
[06.5] Quận/huyện:..... **[06.6]** Tỉnh/Thành phố: .....
2. Đại lý thuế (nếu có):.....
[07] Tên đại lý thuế:.....
[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....
3. Thửa đất chịu thuế:
[10] Thông tin người sử dụng đất:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	MST	CMND/CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân chưa có MST)	Tỷ lệ

[11] Địa chỉ thửa đất:
[11.1] Số nhà:..... **[11.2]** Đường/phố:.....
[11.3] Tổ/thôn:..... **[11.4]** Phường/xã/thị trấn: .....
[11.5] Quận/huyện:..... **[11.6]** Tỉnh/Thành phố: .....
[12] Đã có giấy chứng nhận: ☐
[12.1] Số giấy chứng nhận:..... **[12.2]** Ngày cấp:.....
[12.3] Thửa đất số:..... **[12.4]** Tờ bản đồ số: .....
[12.5] Diện tích:..... **[12.6]** Loại đất/Mục đích sử dụng:.....
[13] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:.....
[14] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: .....
4. Đối tượng miễn, giảm thuế [15] *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế)*: .....
5. Căn cứ tính thuế
[16] Diện tích đất thực tế sử dụng: .....

[17] Thông tin xác định giá đất:

[17.1] Loại đất/Mục đích sử dụng:.....

[17.2] Tên đường/vùng:..... **[17.3]** Đoạn đường/khu vực: .....

[17.4] Loại đường:..... **[17.5]** Vị trí/hạng: .....

[17.6] Giá đất:..... **[17.7]** Hệ số (đường/hẻm...): .....

[17.8] Giá 1 m^2 đất (Giá theo mục đích sử dụng): .....

6. Tính thuế

6.1. Đất ở *(tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[18] Diện tích:..... **[19]** Số thuế phải nộp ***([19] = [18]x[17.8]****x0,03%)*: .....

6.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng

[20] Diện tích:..... **[21]** Hệ số phân bổ: .....

[22] Số thuế phải nộp ***([22]=[20]x[21]x[17.8]****x0,03%)*: .....

6.3. Đất sản xuất kinh doanh - Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[23] Diện tích:..... **[24]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư)*:..... *(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1).*

[25] Số thuế phải nộp ***([25] = [23]x[24]x[17.8]x****0,03%)*: .....

6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[26] Mục đích đang sử dụng: .....

[27] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư)*:..... *(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1).*

[28] Diện tích:..... **[29]** Giá 1m^2 đất: .....

[30] Số thuế phải nộp ***([30]=[28]x[29]x[27]x****0,15%)*: .....

6.5. Đất lấn, chiếm:

[31] Mục đích đang sử dụng: .....

[32] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư)*:..... *(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1).*

[33] Diện tích:..... **[34]** Giá 1m^2 đất: .....

[35] Số thuế phải nộp ***([35]=[33]x[34]x[32]x****0,2%)*: .....

7. Tổng số thuế phải nộp trước miễn giảm [36] ***([36]=[19]+[22]+[25]+[30]+[35]):***

.....

8. Số thuế được miễn, giảm [37]: .....

9. Tổng số thuế phải nộp [38] ***([38]=[36]-[37])*:**.....

10. Nộp cho cả thời kỳ ổn định (trong chu kỳ ổn định 5 năm) **[39]** ***([39]=[38]x*** *(5 hoặc số năm còn lại của chu kỳ ổn định)*:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Mẫu số: **03/TKTH-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TỔNG HỢP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên:.....**[05]** Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[06.1] Tổ/thôn:..... **[06.2]** Phường/xã/thị trấn:..... **[06.3]** Quận/huyện:..... **[06.4]** Tỉnh/Thành phố:.....

[07] Điện thoại:.....

2. Đại lý thuế (nếu có):

[08] Tên đại lý thuế:..... **[09]** Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

3. Kê khai tổng hợp tại*:..... **[11]** Quận/Huyện:..... **[12]** Tỉnh/Thành phố:..... [**13]** Hạn mức đất lựa chọn:..... m^2

4. Tổng hợp các thửa đất trong cùng Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Thửa đất chịu thuế					**Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận**	**Giá 1 m^2 đất**	**Diện tích trong hạn mức (m^2)** *(thuế suất 0,03%)*	**Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (m^2)** (*thuế suất 0,07%*)	**Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (m^2)** (*thuế suất 0,15%*)	**Số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp**	**Số thuế phải nộp trên thông báo (chưa trừ miễn, giảm thuế)**
Số nhà	**Đường/ Phố**	**Thôn/tổ**	**Phường/ Xã**	**Quận/ Huyện**							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A											
TỔNG CỘNG										**[14]=Tổng cột (11)**	**[15] =Tổng cột (12)**

(Kê khai thửa đất thuộc địa bàn lựa chọn hạn mức trước. Thứ tự kê khai các thửa đất ảnh hưởng đến giá trị diện tích vượt hạn mức và số thuế phải nộp)*

[16] Số thuế chênh lệch kê khai phải nộp {[16]=[14] - [15]}:..... đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)*

Ghi chú:

- Cột (6): Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận được tổng hợp từ số liệu nêu tại mục 3.1 Phần II Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp mẫu số 01/TB-SDDPNN ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

- Cột (11) = (8) x (7) x 0,03% + (9) x (7) x 0,07% + (10) x (7) x 0,15%;

- Cột (12): Số thuế phải nộp trên thông báo (chưa trừ miễn, giảm thuế) được tổng hợp từ số liệu nêu tại mục 1.1 Phần III Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp mẫu số 01/TB-SDDPNN ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Mẫu số: **04/TK-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:.....

I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên: .....

[05] Ngày/tháng/năm sinh:.....

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST): .....

[08] Ngày cấp:..... **[09]** Nơi cấp: .....

[10] Địa chỉ cư trú:

[10.1] Số nhà:..... **[10.2]** Đường/phố:.....

[10.3] Tổ/thôn:..... **[10.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[10.5] Quận/huyện:..... **[10.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:.....

[12] Điện thoại: .....

2. Đại lý thuế (nếu có):

[13] Tên đại lý thuế:.....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

3. Thửa đất chịu thuế:

[16] Thông tin người sử dụng đất:

STT	Họ và tên	MST	CMND/CCCD/ Hộ chiếu (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Tỷ lệ

[17] Địa chỉ thửa đất:

[17.1] Số nhà:..... **[17.2]** Đường/ phố:.....

[17.3] Tổ/thôn:..... **[17.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[17.5] Quận/huyện:..... **[17.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[18] Là thửa đất duy nhất: ☐

[19] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Quận/Huyện): .....

[20] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[20.1] Số giấy chứng nhận:..... **[20.2]** Ngày cấp:.....

[20.3] Thửa đất số:..... **[20.4]** Tờ bản đồ số: .....

[20.5] Diện tích:.....**[20.6]** Loại đất/Mục đích sử dụng:.....

[21] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[21.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích:.....

[21.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định:.....

[21.3] Hạn mức (nếu có): .....

[21.4] Diện tích đất lấn, chiếm: .....

[22] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[22.1] Diện tích:..... **[22.2]** Loại đất/Mục đích đang sử dụng: .....

[23] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: .....

[24] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: .....

4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [25] *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[25.1] Loại nhà:..... **[25.2]** Diện tích:..... **[25.3]** Hệ số phân bổ: .....

5. Trường hợp miễn, giảm thuế [26] *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách,...)*:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG *(Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)*

1. Người nộp thuế

[27] Họ và tên: .....

[28] Ngày/tháng/năm sinh:.....

[29] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[30] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: .....

[31] Ngày cấp:..... **[32]** Nơi cấp: .....

2. Thửa đất chịu thuế

[33] Địa chỉ:

[33.1] Số nhà:..... **[33.2]** Đường/phố:.....

[33.3] Tổ/thôn:..... **[33.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[33.5] Quận/huyện:..... **[33.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[34] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[34.1] Số giấy chứng nhận:..... **[34.2]** Ngày cấp: .....

[34.3] Thửa đất số:..... **[34.4]** Tờ bản đồ số: .....

[34.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: .....

[34.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:.....

[34.7] Loại đất/Mục đích sử dụng:.....

[34.8] Hạn mức *(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):* .....

[35] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[35.1] Diện tích:..... **[35.2]** Loại đất/Mục đích đang sử dụng: .....

[36] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: .....

[37] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: .....

3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38] *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách...)*:.....

4. Căn cứ tính thuế

[39] Diện tích đất thực tế sử dụng:..... **[40]** Hạn mức tính thuế:.....

[41] Thông tin xác định giá đất:

[41.1] Loại đất/mục đích sử dụng:..... **[41.2]** Tên đường/vùng: .....

[41.3] Đoạn đường/khu vực:..... **[41.4]** Loại đường: .....

[41.5] Vị trí/hạng:..... **[41.6]** Giá đất:..... **[41.7]** Hệ số (đường/hẻm...):.....

[41.8] Giá 1 m^2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*:.....

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở *(Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[42] Diện tích trong hạn mức *(thuế suất: 0,03%)*	**[43]** Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức *(thuế suất: 0,07%)*	**[44]** Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức *(thuế suất 0,15%)*
...	...	...

5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[45] Diện tích:..... **[46]** Hệ số phân bổ: .....

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh - Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[47] Diện tích:..... **[48]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):*.....

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[49] Diện tích:..... **[50]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[51] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):*.....

5.5. Đất lấn chiếm:

[52] Diện tích:..... **[53]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[54] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):*.....

..., ngày..... tháng..... năm.....	*..., ngày..... tháng..... năm.....*
CÁN BỘ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	**GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **01/SDDNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với tổ chức có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:.....

1. Người nộp thuế:

[04] Tên tổ chức:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ trụ sở:

[06.1] Số nhà:..... **[06.2]** Đường/phố:.....

[06.3] Tổ/thôn:..... **[06.4]** Phường/xã/thị trấn:.....

[06.5] Quận/huyện:..... **[06.6]** Tỉnh/Thành phố:.....

2. Đại lý thuế (nếu có):

[07] Tên đại lý thuế:.....

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

3. Tính thuế:

STT	Địa chỉ thửa đất				Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích	Loại đất	Hạng đất	Định suất thuế	Thuế tính bằng thóc (kg)
	Tổ/thôn	Phường/Xã/ Thị trấn	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố							
	[10.1]	[10.2]	[10.3]	[10.4]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]= [13]x[16]
1											
2											
	Tổng cộng										

[18] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:.....

[19] Thời điểm thay đổi diện tích đất:.....

[20] Thuế được miễn, giảm:..... kg.

[21] Thuế phải nộp tính bằng thóc (**[21]** = **[17]** - **[20]**):..... kg.

[22] Giá thóc tính thuế (đồng/kg):.....

[23] Thuế phải nộp tính bằng tiền (**[23]** = **[21]** x **[22]**):..... đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Ghi chú:

1. Nếu là đất trồng cây ăn quả trên đất trồng cây hàng năm thuộc đất hạng 1, hạng 2, hoặc hạng 3 thì phải nhân thêm hệ số 1,3.

2. Chỉ tiêu thuế được miễn, giảm: nếu được miễn ghi 100%, nếu được giảm thì ghi tương ứng số % được giảm; đồng thời người nộp thuế phải kèm theo tài liệu chứng minh được miễn, giảm.

Mẫu số: **02/SDDNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

UBND.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:.....

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên:.....

[05] Ngày/tháng/năm sinh:.....

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[08] Ngày cấp:..... **[09]** Nơi cấp:.....

[10] Địa chỉ cư trú:

[10.1] Số nhà:..... **[10.2]** Đường/phố:.....

[10.3] Tổ/thôn:..... **[10.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[10.5] Quận/huyện:..... **[10.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:.....

[12] Điện thoại: .....

2. Đại lý thuế (nếu có):

[13] Tên đại lý thuế:.....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

3. Thửa đất chịu thuế:

[16] Địa chỉ:

[16.1] Số nhà:..... **[16.2]** Đường/phố:.....

[16.3] Tổ/thôn:..... **[16.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[16.5] Quận/huyện:..... **[16.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[17] Sổ địa chính:..... **[18]** Thửa đất số:..... [**19]** Tờ bản đồ số: .....

[20] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:.....

[21] Thời điểm thay đổi diện tích đất: .....

STT	Loại ruộng đất	Phần hộ gia đình, cá nhân tự khai				Phần do UBND xã, đội thuế xác định		
		Xứ đồng	Ký hiệu thửa	Diện tích (m^2)	Hạng đất	Diện tích (m^2)	Hạng đất	Thuế ghi thu (kg)
	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]
I	**Cây hàng năm**							
1	Đất trồng lúa							
2	Đất trồng cây hàng năm khác							
3	Mặt nước nuôi trồng thủy sản							
...	.....							
	Cộng cây hàng năm							
II	**Cây lâu năm**							
	Cộng cây lâu năm							
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày... tháng... năm....		*..., ngày... tháng... năm.....*
CHỦ HỘ	**CÁN BỘ THUẾ**	**UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

- Một xứ đồng có nhiều thửa đất thì mỗi thửa đất kê khai vào một dòng;

- UBND: Ủy ban nhân dân.

Mẫu số: **03/SDDNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:.....

1. Người nộp thuế:

[04] Tên tổ chức/Họ và tên: .....

[05] Ngày tháng năm sinh (nếu là cá nhân):.....

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Số CMND/hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có mã số thuế): .....

[08] Ngày cấp:..... **[09]** Nơi cấp: .....

[10] Địa chỉ trụ sở/Địa chỉ cư trú: .....

[10.1] Số nhà:..... **[10.2]** Đường/phố:.....

[10.3] Tổ/thôn:..... **[10.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[10.5] Quận/huyện:..... **[10.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:.....

[12] Điện thoại: .....

2. Đại lý thuế (nếu có):

[13] Tên tổ chức:.....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

3. Thửa đất chịu thuế, loại cây:

[16] Địa chỉ lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần: .....

[16.1] Tổ/thôn:..... **[16.2]** Phường/xã/thị trấn: .....

[16.3] Quận/huyện:..... **[16.4]** Tỉnh/Thành phố: .....

[17] Số thửa:..... **[18]** Tờ bản đồ số:.....

[19] Diện tích lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (ha): .....

[20] Loại cây lâu năm thu hoạch một lần:..... *(ghi tên loại cây)*.....

[21] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: .....

[22] Thời điểm thay đổi diện tích đất: .....

4. Tính thuế:

[23] Diện tích đất khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (ha): .....

[24] Sản lượng khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (tấn/ha hoặc m^3/ha): .....

[25] Giá bán một đơn vị sản phẩm tại nơi khai thác (đồng/ tấn hoặc đồng/m^3): .....

[26] Giá trị sản lượng khai thác **[26]** = **[23]** x **[24]** x **[25]**: .....

[27] Thuế sử dụng đất nông nghiệp được miễn, giảm (nếu có):..... đồng

[28] Thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp **[28]** = (**[26]** x 4%) - **[27]**: .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Mẫu số: **01/TMĐN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC
(Áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....
[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:

[04] Tên tổ chức/Họ và tên: .....

[05] Ngày/tháng/năm sinh (nếu là cá nhân):.....

[06] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[07] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế): .....

[08] Ngày cấp:..... **[09]** Nơi cấp: .....

[10] Địa chỉ trụ sở/Địa chỉ nơi cư trú:

[10.1] Số nhà:..... **[10.2]** Đường/phố:.....

[10.3] Tổ/thôn:..... **[10.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[10.5] Quận/huyện:..... **[10.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:.....

[12] Điện thoại: .....

2. Đại lý thuế (nếu có):

[13] Tên tổ chức:.....

[14] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

3. Đặc điểm đất/mặt nước thuê:

[16] Địa chỉ thửa đất/mặt nước thuê:

[16.1] Số nhà:..... **[16.2]** Đường/phố:.....

[16.3] Tổ/thôn:..... **[16.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[16.5] Quận/huyện:..... **[16.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[17] Vị trí thửa đất/mặt nước: .....

[18] Mục đích sử dụng:.....

[19] Diện tích: .....

[20] Thời điểm sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai:.....

4. Diện tích đất, mặt nước phải nộp tiền thuê (m^2):

[21] Đất/mặt nước dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:.....

[22] Đất xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng để cho thuê: .....

[23] Đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề: .....

[24] Đất/mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản: .....

[25] Đất/mặt nước dùng vào mục đích khác:.....

5. Thời gian sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Mẫu số: **01/PBVMT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Năm....

[02] Lần đầu: □ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09a] Phường/xã:..... [09b] Quận/huyện:..... [09b] Tỉnh/Thành phố:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m^3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp trong kỳ
				Đơn vị tính	Số lượng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=[(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]
I	**Khoáng sản do cơ sở tự khai thác:**							
1	.....							
	.....							
II	**Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ**							
1	.....							
	.....							
Tổng cộng:								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Ghi chú:

Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]: kê khai thông tin địa bàn nơi NNT có hoạt động khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp người nộp thuế có hoạt động khai thác khoáng sản trên nhiều huyện thì thực hiện khai vào chỉ tiêu này như sau:

- Nếu Cục Thuế là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 huyện đại diện nơi có phát sinh hoạt động khai thác khoáng sản.

- Nếu Chi cục Thuế khu vực là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 huyện đại diện thuộc Chi cục Thuế khu vực nơi có phát sinh hoạt động khai thác khoáng sản.

Mẫu số: **02/PBVMT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Từ..... đến.....

[02] Lần đầu: □ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09a] Phường/xã:..... [09b] Quận/huyện:..... [09b] Tỉnh/Thành phố:...../.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m^3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp theo quyết toán	Số phí đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
				Đơn vị tính	Số lượng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=[(3)x(4)x(8)]+[(6)x(7)x(8)]	(10)	(11) = (9)-(10)
I	**Khoáng sản do cơ sở tự khai thác:**									
1	.....									
....	.....									
II	**Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ**									
1	....									
....	....									
Tổng cộng:										

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)*

Ghi chú:

Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]: kê khai thông tin địa bàn nơi NNT có hoạt động khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp người nộp thuế có hoạt động khai thác khoáng sản trên nhiều huyện thì thực hiện khai vào chỉ tiêu này như sau:

- Nếu Cục Thuế là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 huyện đại diện nơi có phát sinh hoạt động khai thác khoáng sản.

- Nếu Chi cục Thuế khu vực là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 huyện đại diện thuộc Chi cục Thuế khu vực nơi có phát sinh hoạt động khai thác khoáng sản.

(Xem tiếp Công báo số 721 + 722)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng